

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6495 /NHNN-TTGSNH
V/v báo cáo kết quả giám sát tài chính
6 tháng đầu năm 2018 theo Nghị định
số 87 và Nghị định 93 đối với doanh
nghiệp nhà nước

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2018

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện quy định về chế độ báo cáo đối với các doanh nghiệp nhà nước do Ngân hàng Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/10/2015 về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước (Nghị định 87) và Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước (Nghị định 93), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kính gửi Quý Bộ báo cáo kết quả giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2018 đối với các doanh nghiệp nhà nước do Ngân hàng Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu, bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC), Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (BHTGVN) và Nhà máy in tiền Quốc gia Việt Nam (Nhà máy in tiền).

Riêng đối với 03 ngân hàng mua lại bắt buộc (Ngân hàng TM TNHH MTV Đại dương, Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu, Ngân hàng TM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không lập báo cáo kết quả giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2018 do phương án cơ cấu lại 03 ngân hàng chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tài liệu gửi kèm: Báo cáo kết quả giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2018 của các đơn vị: Agribank, VAMC, BHTGVN và Nhà máy in tiền.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kính gửi Quý Bộ để tổng hợp. / *th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thông đốc (để b/c);
- PTĐ Đào Minh Tú;
- PTĐ Nguyễn Kim Anh;
- PTĐ Đoàn Thái Sơn;
- Lưu: VP, TTGSNH4. *cc*

**K. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Đoàn Thái Sơn

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA
NHÀ MÁY IN TIỀN QUỐC GIA**

(Đính kèm Công văn số 6495 /NHNN-TTGSNH ngày 28 /8/2018 của NHNN)

Chủ sở hữu: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2018

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG VÀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC GIÁM
SÁT TÀI CHÍNH CỦA NHNN ĐỐI VỚI NHÀ MÁY IN TIỀN QUỐC GIA**

1.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất:

Nhà máy In tiền Quốc gia (sau đây gọi tắt là Nhà máy) có đặc thù là đơn vị sản xuất sản phẩm công ích đặc biệt, ngành nghề sản xuất kinh doanh là ngành in và đúc tiền và sản xuất vàng miếng, vật phẩm lưu niệm bằng vàng và các loại giấy tờ có giá theo kế hoạch đặt hàng của Nhà nước (Ngân hàng Nhà nước/NHNN). Nhà máy có vai trò rất quan trọng trong hoạt động của NHNN, là đơn vị sản xuất trực tiếp giúp NHNN thực hiện vai trò là cơ quan duy nhất phát hành tiền giấy, tiền kim loại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hoạt động của Nhà máy không vì mục tiêu lợi nhuận. Toàn bộ nguồn vốn hoạt động của Nhà máy do Ngân sách Nhà nước cấp.

1.2. Tổ chức giám sát tài chính đối với Nhà máy:

Để tổ chức thực hiện công tác giám sát tài chính đối với Nhà máy In tiền Quốc gia theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP, Nghị định 32/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2015/NĐ-CP và Thông tư 200/2015/TT-BTC, NHNN đã tổ chức thực hiện như sau:

+ Về đơn vị đầu mối: ngày 26/2/2014, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 321/QĐ-NHNN về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Tài chính – Kế toán (Vụ TCKT) trong đó quy định Vụ TCKT có nhiệm vụ tham mưu giúp Thống đốc giám sát tài chính, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các quyền và trách nhiệm khác của Chủ sở hữu đối với Nhà máy.

+ Về xây dựng cơ chế giám sát: NHNN đã xây dựng các quy chế như: Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động; Quy chế Kiểm soát viên; Quy chế quản lý tài chính; Quy chế tạm ứng, thanh quyết toán sản phẩm đặc biệt; Quyết định ban hành hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật in tiền, điều chỉnh tăng định mức kỹ thuật để giảm tỷ lệ sản phẩm hỏng; Quy chế trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Kiểm soát viên tại Công ty TNHH một thành viên do NHNN làm chủ sở hữu và Người đại diện kiêm nhiệm phần vốn Nhà nước tại các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính và doanh nghiệp có vốn Nhà nước do NHNN đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước; Quy chế Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Người đại diện phần vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính và doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước Việt

Nam quản lý...để tăng cường hoạt động giám sát tài chính của NHNN đối với Nhà máy.

+ NHNN đã ban hành Thông tư số 26/2016/TT-NHNN ngày 12/9/2016 quy định về giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Nhà máy. Căn cứ quy định tại Thông tư, 6 tháng đầu năm 2018, các Vụ, Cục chức năng của NHNN đã phối hợp, chỉ đạo Nhà máy thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất được giao với mục tiêu tiết kiệm, hiệu quả, giảm giá thành sản phẩm.

+ Về hoạt động của Ban kiểm soát Nhà máy:

6 tháng đầu năm 2018, thực hiện Quyết định số 2188/QĐ-NHNN ngày 30/10/2014 của Thống đốc NHNN ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Nhà máy, Ban Kiểm soát đã tuân thủ các quy định tại Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên. Đồng thời, Ban Kiểm soát đã thực hiện theo kế hoạch giám sát tài chính năm 2018 được Thống đốc NHNN phê duyệt, cụ thể: giám sát quy trình thực hiện in, đúc tiền; giám sát tình hình tồn kho và sử dụng giấy in tiền, kết quả sản xuất in tiền; giám sát việc tăng vốn điều lệ và giải ngân vốn điều lệ; giám sát Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Nhà máy trong tổ chức thực hiện vai trò đại diện chủ sở hữu; thẩm định các báo cáo định kỳ (báo cáo tài chính năm 2017, báo cáo Quý I, II/2018, báo cáo quỹ tiền lương năm 2017 và kế hoạch năm 2018; lập báo cáo kết quả giám sát 6 tháng đầu năm 2018; kiểm tra chi phí phát sinh của dự án đào tạo công nghệ sản xuất mực in tiền do JICA hỗ trợ; kiểm tra quy trình thực hiện đấu thầu công tác mua sắm hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ...

Tóm lại, NHNN đã triển khai thực hiện công tác giám sát tài chính đối với Nhà máy theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế hoạt động sản xuất tại Nhà máy.

2. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ CỦA CHỦ SỞ HỮU

2.1. Chi tiết đánh giá tình hình Nhà máy In tiền Quốc gia

a. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2018 của Nhà máy được tóm tắt như sau:

- Trong quá trình sản xuất, Nhà máy đã chủ động lập kế hoạch sản xuất để đảm bảo kế hoạch in tiền và đã hoàn thành kế hoạch đề ra. Cụ thể:

+ Đến hết ngày 30/6/2018, Nhà máy đã hoàn thành sản xuất 1.194,46 triệu hình, đạt 44,03% kế hoạch năm 2018.

+ Số sản phẩm đã giao thực tế cho NHNN là 1.035,52 triệu hình, đạt 38,17% kế hoạch năm 2018. Trong đó, hoàn thành kế hoạch sản xuất năm 2018 đối với sản phẩm B08.

- Đánh giá tiến độ giao nhận thực tế với Hợp đồng sản xuất và giao nhận tiền năm 2018:

Theo kế hoạch tại Hợp đồng sản xuất và giao nhận tiền năm 2018, hết 6 tháng đầu năm, Nhà máy phải giao NHNN tổng số 960 triệu hình các sản phẩm B09, B08, B04, B94. Qua tổng hợp, số lượng sản phẩm thực tế đã giao là

1.035,52 triệu hình sản phẩm, Nhà máy đã giao vượt 7,87% so với tiến độ nêu tại Hợp đồng. Riêng đối với sản phẩm B94, số lượng giao thực tế thấp hơn so với kế hoạch (18 triệu hình), nguyên nhân: Số sản phẩm này đã được Cục Phát hành và Kho quỹ kiểm tra chất lượng và kết luận đủ tiêu chuẩn nhập kho NHNN nhưng do quá trình giao nhận tiền cần bố trí, sắp xếp thời gian, phương tiện nhân lực nên sẽ được nhập về vào đầu Quý III/2018.

Như vậy, trong 6 tháng đầu năm 2018, Nhà máy đã hoàn thành kế hoạch sản xuất được giao.

- Chất lượng sản phẩm: các sản phẩm có chất lượng ổn định, đảm bảo định mức được Thống đốc NHNN phê duyệt.

- Trong 6 tháng đầu năm 2018, bên cạnh việc hoàn thành kế hoạch in tiền được giao, Nhà máy còn thực hiện triển khai có hiệu quả các hoạt động trọng tâm khác như: tiếp tục phối hợp với các đơn vị chức năng khác của NHNN triển khai dự án NH09, tiếp tục nghiên cứu dự án hỗ trợ kỹ thuật của JICA để phát triển sản xuất mực in tiền, tầm nhìn đến 2030.

- Về tình hình tiêu thụ sản phẩm: Việc sản xuất và giao nhận sản phẩm được thực hiện theo nguyên tắc giao hàng quy định tại Hợp đồng đã ký kết giữa Ngân hàng Nhà nước với Nhà máy.

b. Tình hình tài chính của Doanh nghiệp

- 6 tháng đầu năm 2018, nguồn vốn kinh doanh được cấp từ NSNN đáp ứng đủ nhu cầu vốn lưu động để mua nguyên vật liệu (giấy, mực in) nên Nhà máy không phát sinh các khoản nợ quá hạn và các khoản nợ dài hạn. Căn cứ báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018, NHNN thực hiện tổng hợp một số chỉ tiêu tài chính như sau:

- + Doanh thu: 1.016 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận trước thuế: 66,781 tỷ đồng.
- + Tài sản ngắn hạn: 1.379 tỷ đồng
- + Tài sản dài hạn: 962 tỷ đồng
- + Vốn chủ sở hữu: 1.957 tỷ đồng
- + Nợ phải trả ngắn hạn: 382 tỷ đồng
- + Các khoản phải thu: 18 tỷ đồng.
- + Hệ số Nợ phải trả/Vốn CSH: 0,19.

- Vốn điều lệ bổ sung cho giai đoạn 2012-2015 chưa phê duyệt là 138.459 triệu đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2018, Nhà máy không được cấp bổ sung Vốn điều lệ.

- Chi phí tài chính 6 tháng đầu năm 2018 là chi phí chênh lệch tỉ giá phát sinh: 8.756.498.684 đồng. Nhà máy không phát sinh chi phí lãi vay.

- Hiệu quả sử dụng vốn:

- + Nhà máy đã có kế hoạch nhập nguyên vật liệu, vật tư hợp lý, đảm bảo tăng vòng quay vốn, sử dụng vốn hiệu quả, không phát sinh khoản vay ngân hàng. Trong 6 tháng đầu năm 2018, Nhà máy cũng không có nhu cầu tạm ứng vốn từ NHNN.

+ Nhà máy là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công ích do NHNN đặt hàng nên chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu không là tiêu chí trọng yếu để đánh giá tình hình bảo toàn và phát triển vốn.

+ Trên cơ sở báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018, nguồn vốn chủ sở hữu tăng 39,83 triệu đồng do lợi nhuận sau thuế (*sau khi tạm trích nộp Quỹ khen thưởng, phúc lợi*) dự kiến tăng là 39,83 tỷ đồng.

Như vậy, trong 6 tháng đầu năm 2018, nguồn vốn chủ sở hữu của Nhà nước tại Nhà máy được bảo toàn và phát triển.

c. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản

- Tình hình quản lý, sử dụng vốn:

Nhà máy là đơn vị sản xuất sản phẩm công ích, NHNN không có chủ trương thay đổi cơ cấu sở hữu vốn của Nhà máy và cũng không có chủ trương đầu tư ra bên ngoài Nhà máy. Do đó, Nhà máy không có các hoạt động đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư góp vốn dài hạn khác.

- Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Trong 6 tháng đầu năm 2018, tình hình triển khai, thực hiện các dự án như sau:

- Thực hiện hoàn thành quyết toán trong tháng 5/2018 đối với dự án cải tạo, nâng cấp khu vực đặt máy in số (thuộc dự án máy in số ống tròn và các thiết bị phụ trợ); Dự án cải tạo, nâng cấp khu vực đặt máy in phủ (thuộc dự án máy in phủ vanish sản phẩm polymer và các thiết bị phụ trợ).

- Dự án xây kho nguyên liệu đặc biệt và khối nhà phụ trợ đã cơ bản hoàn thành khâu thiết kế bản vẽ thi công, đã trình Sở xây dựng thẩm định và đang tiếp tục triển khai công tác giải phóng mặt bằng.

- Dự án xây dựng hệ thống mạng nội bộ tiếp tục được triển khai, trong đó có điều chỉnh lại tên dự án theo nhiệm vụ thiết kế mới.

Như vậy, về cơ bản, trong 6 tháng đầu năm 2018, các dự án đều đang được triển khai thực hiện trong đúng tiến độ quy định và tiết kiệm được chi phí, góp phần hạ giá thành sản phẩm.

d. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn Nhà máy:

Nhà máy đã thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật. Toàn bộ tài sản, hàng hóa, nguyên vật liệu của Nhà máy đã được mua bảo hiểm cháy nổ và các rủi ro đặc biệt. Nhà máy đã xây dựng quy chế về quản lý vật tư, hàng hóa, quản lý công nợ xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, từng cá nhân trong việc theo dõi, quản lý hàng hóa, thu hồi công nợ.

d. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

Trong 6 tháng đầu năm 2018, Nhà máy tuân thủ và chấp hành đúng chế độ chính sách hiện hành về thuế, tiền lương, chế độ bảo hiểm và chính sách khác.

đ. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích

Như đã nêu ở Điểm a, Khoản 2.1 nêu trên, trong 6 tháng đầu năm 2018, Nhà máy thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất sản phẩm công ích do Nhà nước giao.

e. Công tác tổ chức, quản lý lao động, tiền lương 6 tháng đầu năm 2018

- Nhà máy đã xây dựng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch, xác định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý Nhà máy trình NHNN xem xét, phê duyệt. NHNN đã ban hành Quyết định số 30/QĐ-NHNN.m ngày 23/5/2018 v/v phê duyệt quỹ tiền lương năm 2018 của Nhà máy.

- Nhà máy tổ chức thực hiện trả lương cho người lao động theo Quyết định số 643/QĐ-NMI/HĐTV ngày 25/11/2016 của HĐTV Nhà máy v/v ban hành hệ thống thang, bảng lương Nhà máy.

- Về công tác sử dụng lao động: tổ chức thực hiện công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ cấp quản lý của Nhà máy và ban hành Nghị quyết liên tịch số 05/NQLT-NMI/HĐTV ngày 19/3/2018 về kế hoạch luân chuyển cán bộ trong năm 2018 để tạo điều kiện cho cán bộ được tiếp cận, rèn luyện tại nhiều vị trí công việc khác nhau.

- Tiếp tục phối hợp, triển khai các chương trình đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật đối với các bên đối tác như Công ty Gleitsmann Security Inks, Công ty Sicpa, Công ty CCL Secure, dự án JICA... để đào tạo cán bộ trong công tác chế bản, hỗ trợ kỹ thuật, đánh giá chất lượng và sản xuất mực in tiền.

e. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Chủ sở hữu/Kiểm toán/Thanh tra/Cơ quan quản lý TCDN:

Trong 6 tháng đầu năm 2018, để tiếp tục thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với Báo cáo tài chính năm 2016 của Nhà máy, tiếp theo Công văn số 930/NHNN-KSNB.m v/v đề nghị Nhà máy báo cáo việc thực hiện kiến nghị của KTTN, NHNN đã có Công văn số 855/NHNN-KTTC ngày 05/2/2018 đề nghị Nhà máy báo cáo định kỳ hàng Quý về kết quả thực hiện kiến nghị Kiểm toán. Trên cơ sở kết quả báo cáo của Nhà máy, NHNN đã chỉ đạo Nhà máy xử lý dứt điểm nội dung liên quan đến gói thầu “*Dỡ tải khỏi phương tiện vận chuyển và lắp đặt thô máy in số*”, đồng thời đề nghị HĐTV Nhà máy và Ban Kiểm soát Nhà máy thực hiện các nội dung sau:

- Tăng cường tổ chức tập huấn (hoặc cử cán bộ có liên quan) tham gia đào tạo, nâng cao trình độ xử lý các tình huống và sự việc phát sinh theo quy định tại Luật đấu thầu.

- Chỉ đạo phòng Kiểm soát nội bộ Nhà máy tăng cường kiểm soát trước và trong quá trình thực hiện các gói thầu để kịp thời phát hiện, xử lý và kiểm soát các trường hợp phát sinh trong quá trình thực hiện các gói thầu.

- Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tất cả các tập thể, cá nhân có liên quan đến việc phê duyệt, triển khai thực hiện Gói thầu “*Dỡ tải khỏi*”

phương tiện vận chuyển và lắp đặt thô máy in số” ; xử lý trách nhiệm cá nhân (nếu có).

- NHNN yêu cầu Ban Kiểm soát Nhà máy tăng cường kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện các gói thầu của Nhà máy, tránh để tình trạng khi xảy ra sai sót mới kiểm tra báo cáo.

2. KẾT LUẬN CỦA CHỦ SỞ HỮU

Qua theo dõi, giám sát Nhà máy, NHNN có ý kiến kết luận như sau:

(i) Nhà máy đã hoạt động, sản xuất tốt, thực hiện đúng theo kế hoạch được giao và hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất sản phẩm công ích theo đơn đặt hàng của NHNN trong 6 tháng đầu năm 2018.

(ii) Tình hình tài chính của Nhà máy lành mạnh, an toàn.

(iii) Nhà máy tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước;

(iv) Trong kỳ, Nhà máy chấp hành tốt chế độ, chính sách về thuế, tiền lương và nghĩa vụ khác với NSNN. Đồng thời, chủ động rà soát, thực hiện các kiến nghị của cơ quan chức năng.

Qua các chỉ tiêu về tài chính và tình hình hoạt động của Nhà máy nêu trên, NHNN đánh giá 6 tháng đầu năm 2018 Nhà máy “An toàn về tài chính”.

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

Chủ sở hữu: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2018

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu	Lợi nhuận Thực hiện	Nộp ngân sách	Phân loại doanh nghiệp		Ghi chú
					An toàn về TC	Mất an toàn về TC	
C	Công ty TNHH 1 TV độc lập						
1	Nhà máy In tiền Quốc gia	1.015.903	60.387	6.394	x		

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO
KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN VIỆT NAM 6 THÁNG NĂM 2018
(Đính kèm công văn số 6.425./NHNN-TTGSNH ngày 28/8/2018)

I. Sơ lược về tổ chức và hoạt động của Agribank

1. Giấy phép thành lập và hoạt động:

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) được thành lập ngày 26/3/1988 theo Quyết định số 53/HĐBT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Sau 03 lần đổi tên theo Quyết định số 400/CT ngày 14/11/1990 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) số 280/QĐ-NH5 ngày 15/10/1996 và Quyết định số 1836/QĐ-TCCB ngày 18/12/1996 và được chuyển đổi sang mô hình Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 214/QĐ-NHNN ngày 30/01/2011 về chuyển đổi Agribank thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

- Đăng ký kinh doanh số 0100686174 cấp ngày 26/4/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

- Thời gian hoạt động là 99 năm.

- Hoạt động chính của Agribank bao gồm: các giao dịch huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

2. Vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ riêng lẻ tại thời điểm 30/6/2018: 30.377,6 tỷ đồng, tăng 1.132,7 tỷ đồng so cuối năm 2017.

- Vốn điều lệ hợp nhất tại thời điểm 30/6/2018: 30.377,6 tỷ đồng, tăng 23,1 tỷ đồng (0,1%) so cuối năm 2017.

3. Cơ cấu tổ chức, nhân sự và mạng lưới hoạt động đến thời điểm 30/6/2018:

3.1. Hội đồng thành viên:

STT	Tên	Chức danh
1	Ông Trịnh Ngọc Khánh	Chủ tịch HĐQT

- Nhân sự: trên 36.000 cán bộ, nhân viên
- Trường đào tạo cán bộ NHNo&PTNT Việt Nam.
- + 03 Đơn vị sự nghiệp: Trung tâm thè, Trung tâm Công nghệ thông tin và diện miền Trung; Văn phòng đại diện Tây Nam Bộ; 01 Sở giao dịch.
- + 03 văn phòng đại diện: Văn phòng đại diện miền Nam, Văn phòng đại diện miền Trung; Văn phòng đại diện Tây Nam Bộ; 01 Sở giao dịch.
- + Sô chi nhánh loại I, loại II là 156 chi nhánh trong nước và 01 chi nhánh nước ngoài;
- Các sở giao dịch và các chi nhánh, văn phòng đại diện:
- Trụ sở chính: số 2 Láng Hạ, Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội.

3.4. Mạng lưới hoạt động:

STT	Tên	Chức danh
1	Ông Tiết Văn Thành	Tổng giám đốc
2	Bà Nguyễn Thị Phương	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Trương Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Hải Long	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Phạm Toàn Vương	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Tô Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc
8	Ông Phạm Đức Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
9	Ông Lê Xuân Trung	Phó Tổng Giám đốc
10	Ông Trần Văn Dự	Phó Tổng Giám đốc
11	Ông Phùng Văn Hưng Quang	Kế toán Trưởng

3.3. Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

STT	Tên	Chức danh
1	Trần Trọng Dương	Trưởng ban
2	Hoàng Văn Thắng	Thành viên
3	Bùi Hồng Quang	Thành viên
4	Nguyễn Bách Dương	Thành viên

3.2. Ban kiểm soát:

2	Ông Phạm Đức Ân	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Tiết Văn Thành	Thành viên
4	Ông Hồ Văn Sơn	Thành viên
5	Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
6	Ông Nguyễn Việt Mạnh	Thành viên
7	Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên
8	Ông Phạm Hoàng Đức	Thành viên

3.5. Các công ty con:

Đến thời điểm 30/6/2018, Agribank có 06 Công ty con hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, dịch vụ...

TT	Tên công ty	Quyết định thành lập số	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của NH
1	Công ty Cho thuê Tài chính I NHNo & PTNT Việt Nam	Số 238/1998/QĐ-NHNN ngày 14/7/1998 của Thống đốc NHNN	Cho thuê tài chính	100% (200 tỷ đ)
2	Công ty Cho thuê Tài chính II NHNo & PTNT Việt Nam	Số 239/1998/QĐ-NHNN ngày 14/7/1998 của Thống đốc NHNN	Cho thuê tài chính	100% (350 tỷ đ)
3	Công ty TNHH MTV Dịch vụ NHNo VN	GPKD số 0101452242 cấp ngày 15/04/2011	In thương mại, xuất nhập khẩu, bất động sản	100%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán NHNo&PTNT VN	Số 08/QĐ/GPHĐKD ngày 04/05/2001 của Ủy ban CK	Kinh Doanh chứng khoán	75% (2.120 tỷ đ)
5	Công ty CP Bảo hiểm NHNo	GPKD số: 38 GP/KDBH ngày 18/10/2006 của Bộ Tài Chính	DV BH tái bảo hiểm, ĐT tài chính	51,5%
6	Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank AMC	GPKD số : 0106134589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 25/03/2013	Hoạt động dịch vụ tài chính	100%

II. Kết quả hoạt động tài chính đến 30/6/2018

(Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất do Agribank lập)

1. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

1.1. Vốn chủ sở hữu¹:

Vốn chủ sở hữu được bảo toàn và tăng trưởng ổn định, đến 30/6/2018, vốn chủ sở hữu của Agribank đạt 52.807 tỷ đồng, tăng 2.482 tỷ đồng so với cuối năm 2017, vốn chủ sở hữu tăng chủ yếu từ nguồn lợi nhuận phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2018. Hệ số tự tài trợ (*Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản*): đạt 5,01%, trong đó:

+ Vốn điều lệ: 30.377,6 tỷ đồng, tăng 23,1 tỷ so với cuối năm 2017.

Trong tổng số vốn điều lệ có 3.590 tỷ đồng cấp năm 2003 bằng trái phiếu đặc biệt, thời hạn 20 năm, lãi suất 3,3%. Thực chất số vốn 3.590 tỷ đồng không được cấp bằng tiền, chỉ thực hiện ghi sổ, hàng năm Agribank nhận được 3,3% số tiền lãi (118,4 tỷ đồng/năm).

+ Quỹ đầu tư phát triển: 12.706 tỷ đồng;

+ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 1.393 tỷ đồng.

+ Quỹ dự phòng tài chính: 2.532 tỷ đồng.

^{1,2}: BCTC hợp nhất quý II năm 2018

- Vốn tự có riêng lẻ đạt 66.400 tỷ đồng, giảm 3.411,3 tỷ đồng (-4,9%) so với năm 2017. Vốn tự có riêng lẻ giảm chủ yếu từ vốn cấp 2 (-5.804,2 tỷ đồng) và tăng ở vốn cấp 1 (tăng 2.392,9 tỷ đồng) so cuối năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu do cách tính vốn theo quy định tại Thông tư 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017 sửa đổi thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 có hiệu lực thi hành (hiệu lực từ ngày 12/02/2018). Do vậy, Vốn cấp 1 được tính thêm quỹ dự phòng tài chính; và vốn cấp 2 loại trừ quỹ dự phòng tài chính.

- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ của Agribank là 9,55%, trong đó, Vốn cấp 1: 47.751,85 tỷ đồng, Vốn cấp 2: 18.648,17 tỷ đồng (chiếm 39,1% Vốn cấp 1).

1.2. Tổng tài sản:

Đến 30/6/2018 đạt 1.201.738,3 tỷ đồng, tăng 46.960,6 tỷ đồng (+4,06%) so với cuối năm 2017.

1.3. Lợi nhuận sau thuế:

- Hợp nhất: đạt 2.485,0 tỷ đồng, tăng 275,6 tỷ đồng (+12,5%) so cùng kỳ 2017;

- Riêng lẻ: đạt 2.581,5 tỷ đồng, tăng 308,7 tỷ đồng (+13,6%) so cùng kỳ 2017.

1.4. Hiệu quả sử dụng vốn:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn CSH (ROE) thời điểm 30/6/2018:

+ ROE hợp nhất: 4,7%;

+ ROE riêng lẻ: 4,4%

(Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (ROE) xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 12/2018/TT-BTC ngày 31/01/2018 của Bộ Tài chính).

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản (ROA): 0,21%.

2. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:

2.1. Tình hình đầu tư dự án tại Agribank:

Agribank sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu để đầu tư các dự án hình thành tài sản cố định và xây dựng cơ bản theo đúng quy định:

- Dự án đầu tư về Công nghệ thông tin và Thẻ: Kế hoạch vốn giải ngân năm 2018 được Hội đồng thành viên phê duyệt số tiền 638.525 triệu đồng, đến 30/6/2018, Agribank đã thực hiện 157.068 triệu đồng, đạt 24,6% kế hoạch, các dự án đang triển khai đúng tiến độ. Chi tiết các nhóm dự án đang thực hiện đến 30/6/2018:

+ 05 dự án nhóm B, tổng mức đầu tư được phê duyệt 587.928 triệu đồng; lũy kế đến 30/6/2018 đã giải ngân 305.743 triệu đồng, trong đó 6 tháng đầu năm 2018 giải ngân 131.677 triệu đồng; giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng 02 dự án là 148.996 triệu đồng.

+ 18 dự án nhóm C, tổng mức đầu tư được phê duyệt 495.031 triệu đồng; lũy kế đến 30/6/2018 đã thực hiện giải ngân 139.275 triệu đồng, trong đó 6 tháng đầu năm 2018 giải ngân 25.391 triệu đồng; giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng 03 dự án là 76.394 triệu đồng.

Dự án đầu tư về xây dựng cơ bản: Kế hoạch vốn giải ngân năm 2018 được Hội đồng thành viên phê duyệt số tiền 1.655.991 triệu đồng, đến 30/6/2018, Agribank đã giải ngân 132.719 triệu đồng. Chi tiết các nhóm dự án đang thực hiện đến 30/6/2018:

+ Nhóm B: 19 dự án với tổng mức đầu tư 2.138.704 triệu đồng, đã giải ngân 1.291.005 triệu đồng, trong đó 6 tháng đầu năm 2018 giải ngân 28.242 triệu đồng. Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng 658.736 triệu đồng, đã hoàn thành bàn giao sử dụng 14 dự án, đang thi công 5 dự án.

+ Dự án khác: 138 dự án với tổng mức đầu tư 1.847.144 triệu đồng, đã thực hiện giải ngân 843.807 triệu đồng, trong đó 6 tháng đầu năm 2018 giải ngân 96.423 triệu đồng, giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng 342.394 triệu đồng, trong đó đã hoàn thành dự kiến quyết toán năm 2018 45 dự án giá trị 325.776 triệu đồng.

Về tiến độ thực hiện và hiệu quả: hiện nay, cơ bản các dự án đang được triển khai đúng tiến độ; các dự án đầu tư đưa vào sử dụng phát huy được công năng sử dụng, tạo cơ sở vật chất và phương tiện làm việc khang trang, nâng cao vị thế của Agribank trên địa bàn nhất là những địa bàn có tính cạnh tranh cao; đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh; giảm thiểu chi phí thuê trụ sở hoạt động; giữ vững thị phần tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh của các đơn vị trong hệ thống Agribank.

2.2. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài Agribank:

- Agribank thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật. Đến 30/6/2018, tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần của Agribank là 8,4% trên tổng Vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ, giảm 0,57% so với cùng kỳ năm trước, đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014.

- Về hiệu quả các khoản đầu tư: Trong 6 tháng năm 2018, 6/6 công ty con hoạt động kinh doanh có lãi, các công ty con và khoản đầu tư vào Napas đã góp phần hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Agribank như thực hiện dịch vụ in ấn, ngân quỹ, hỗ trợ cho công tác xử lý nợ xấu, phát triển sản phẩm dịch vụ bancassurance, dịch vụ thanh toán thẻ, kết nối thanh toán; tuy nhiên các đơn vị Agribank góp vốn không thực hiện tạm ứng cổ tức trong 6 tháng đầu năm 2018.

- Về kế hoạch tăng vốn tại các công ty con: Để củng cố tăng cường năng lực hoạt động, tài chính của Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank

(AMC), góp phần hỗ trợ Agribank xử lý nợ xấu. Hội đồng thành viên Agribank đã thông qua phương án bổ sung vốn điều lệ cho AMC lên 200 tỷ đồng, 6 tháng đầu năm 2018, Agribank đã cấp bổ sung 120 tỷ đồng cho AMC giai đoạn 1, việc cấp vốn giai đoạn 2 tiếp tục xem xét thực hiện trong năm 2019-2020.

- Về tình hình thoái vốn với các khoản đầu tư ngoài ngành: Agribank hiện đang sở hữu vốn tại hai TCTD, phù hợp với quy định của NHNN tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN (Ngân hàng TMCP Đại chúng; Ngân hàng TMCP Phương Đông), 06 tháng đầu năm 2018 Agribank tiếp tục thực hiện Phương án sắp xếp lại các công ty con và các khoản đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác đã được NHNN phê duyệt. Trong đó đã lựa chọn đơn vị thẩm định giá đối với Công ty cổ phần du lịch thương mại Nông nghiệp Việt Nam (Agritour), Công ty cổ phần vận tải Vinaconex (VCV), Ngân hàng Phương Đông (OCB); hoàn tất thủ tục thoái vốn và tổ chức đấu giá Pvcombank nhưng chưa thành công và tiếp tục chờ thời điểm thích hợp để thoái vốn.

Đến thời điểm 30/6/2018, Agribank hiện còn đầu tư tại 6 công ty con, 01 công ty liên kết và 06 khoản đầu tư dài hạn khác.

3. Tình hình huy động và sử dụng vốn:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	30/6/2018	31/12/2017 ²
I	Nguồn vốn	1.201.710,5	1.152.904,1
	- Trong đó: Vốn huy động tổ chức kinh tế và dân cư (Huy động TT I)	1.077.524,4	1.032.210
1	Tiền gửi và tiền vay Chính phủ và NHNN	30.301,7	36.468,3
2	Tiền gửi và tiền vay TCTD khác	8.318,4	6.129,0
	- Tiền gửi của các TCTD khác	7.686,0	5.297,7
	- Tiền vay các TCTD khác	632,4	831,2
3	Tiền gửi khách hàng	1.052.786,5	1.007.694,0
	Trong đó:		
	- Tiền gửi của TCKT	195.199,1	210.365,8
	- Tiền gửi của cá nhân	857.587,4	797.328,2
4	Phát hành giấy tờ có giá	16.961,2	16.962,3
	- Trong đó: phát hành trái phiếu	16.333	16.333
5	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư TCTD chịu rủi ro	7.776,7	7.554,0
II	Sử dụng vốn	1.201.710,5	1.152.904,1
1	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	14.060,4	12.086,8
2	Tiền gửi tại NHNN	3.273,4	25.881,2
3	Tiền gửi và cho vay TCTD khác	42.261,5	73.611,7
	- Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	29.265,8	21.246,5
	- Cho vay các TCTD khác	12.995,7	52.366,2

² Số liệu lấy theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

TT	Chỉ tiêu	30/6/2018	31/12/2017 ²
3	Cho vay khách hàng	927.983,3	880.396,1
	- Cho vay ngắn hạn	540.295,3	516.851,4
	- Cho vay trung dài hạn	387.687,9	363.544,7
4	Đầu tư chứng khoán	200.804,9	150.071,1
	- Trong đó: Chứng khoán đầu tư	200.804,9	150.060,8
5	Tài sản cố định	7.734,3	8.447,3

3.1 Huy động vốn:

Đến 30/6/2018, tổng nguồn vốn huy động và đi vay đạt 1.116.144,5 tỷ đồng, tăng 41.337,3 tỷ đồng (3,7%) so với cuối năm 2017, cơ cấu nguồn vốn huy động chuyển dịch theo hướng tăng ở nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư, phát hành giấy tờ có giá (huy động TT1) và giảm ở tiền gửi, tiền vay TCTD khác (huy động TT2) và các khoản nợ Chính phủ, NHNN.

- Nguồn vốn huy động thị trường I đạt 1.077.524,4 tỷ đồng, tăng 45.314,4 tỷ đồng (+4,4%) so cuối năm 2017 và chiếm tỷ trọng 89,66% tổng nguồn vốn của ngân hàng, trong đó:

+ Tiền gửi của khách hàng: 1.052.786,5 tỷ đồng, tăng 45.092,5 tỷ đồng (4,5%) so với cuối năm 2017.

+ Phát hành giấy tờ có giá: Agribank đang trình NHNN cho phép phát hành giấy tờ có giá năm 2018, do vậy trong 6 tháng đầu năm 2018, số dư phát hành giấy tờ có giá không có biến động so với cuối năm 2017 (đạt 16.961,2 tỷ đồng).

- Nguồn vốn huy động thị trường II đạt 8.318,4 tỷ đồng, tăng 2.189,4 tỷ đồng (35,7%) so cuối năm 2017.

3.2. Sử dụng vốn:

a) *Tiền gửi tại NHNN*: đạt 3.273,4 tỷ đồng, giảm 87,4% so với 31/12/2017.

b) *Tiền gửi và cho vay TCTD khác*: đạt 42.261,5 tỷ đồng, chiếm 3,5% tổng tài sản Có, giảm 31.350,2 tỷ đồng (-42,6%) so với thời điểm cuối năm 2017.

c) *Cho vay khách hàng*: Tín dụng 6 tháng tăng trưởng khá và tương đối ổn định ngay từ đầu năm, tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn và các lĩnh vực ưu tiên. Đến 30/6/2018, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 927.983,3 tỷ đồng, tăng 5,4% so với cuối năm 2017 (tương đương 47.587,2 tỷ đồng), so với cùng kỳ năm trước tăng 139.694,3 tỷ đồng. Dư nợ cho vay nông nghiệp nông thôn đạt 680.054 tỷ đồng, tăng 34.687 tỷ (+5,4%) so với đầu năm, tỷ trọng cho vay nông nghiệp nông thôn đạt 73,5%/tổng dư nợ. Trong năm 2018, Agribank được NHNN giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng là 14%.

d) *Về hoạt động đầu tư*:

- Góp vốn, đầu tư dài hạn: 88,0 tỷ đồng, giảm 47,1 tỷ đồng (34,8%) so với cuối năm 2017.

- Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu VAMC) có xu hướng giảm trong 2 quý đầu năm 2018: 26.158,3 tỷ đồng, chiếm 2,2% tổng tài sản Có, giảm 15.994 tỷ đồng (-37,9%) so với cuối năm 2017.

- Đầu tư trái phiếu CP, tín phiếu NHNN có xu hướng tăng trong 2 quý đầu năm 2018: 163.815,4 tỷ đồng, chiếm 13,6% tổng tài sản Có, tăng 58.035,1 tỷ đồng (54,9%) so với cuối năm 2017.

** Chất lượng tín dụng thị trường I*

- Dư nợ Nhóm 2 tăng 29.706,58 tỷ đồng lên 36.559,8 tỷ đồng; tương ứng với tỷ lệ nợ Nhóm 2 so với tổng dư nợ tăng từ 3,38% lên 3,93%.

- Tổng nợ xấu thị trường I (nợ nhóm 3-5): 22.016 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ nợ xấu là 2,37%, tăng (0,32%) so với cuối năm 2017.

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017 (Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán)		30/6/2018 (Báo cáo tài chính hợp nhất chưa kiểm toán)	
	Số tuyệt đối	Tỷ trọng %	Số tuyệt đối	Tỷ trọng %
Nợ nhóm 1	828.531,0	94,55%	869.407,3	93,68%
Nợ nhóm 2	29.706,58	3,38%	36.559,8	3,93%
Nợ nhóm 3	4.484,8	0,51%	3.406,9	0,36%
Nợ nhóm 4	2.463,0	0,28%	4.068,5	0,43%
Nợ nhóm 5	11.052,0	1,26%	14.540,6	1,56%
Nợ xấu	17.999,8	2,05%	22.016,0	2,37%
Tổng dư nợ	876.237,9	100%	927.983,3	100%

** Nợ cơ cấu theo Quyết định 780 và Thông tư 09*

- Nợ cơ cấu giảm từ 6.501,1 tỷ đồng (cuối năm 2017) xuống 5.614,9 tỷ đồng tại thời điểm cuối tháng 6/2018.

** Tổng nợ và chất lượng các khoản nợ theo Thông tư 02³*

- Tổng nợ của Ngân hàng đạt 974.269,9 tỷ đồng, tăng 11.641,8 tỷ đồng (1,2%) so với cuối năm 2017.

- Nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu tăng so với cuối năm 2017: Đến thời điểm 30/6/2018, nợ được phân loại nợ xấu là 19.543,5 tỷ đồng (chiếm 2,01% tổng nợ) tăng 4.426,7 tỷ đồng tương đương tốc độ tăng 29,3% so với thời điểm cuối năm 2017; tương ứng, tỷ lệ nợ xấu tăng từ 1,57% lên 2,01%.

** Trích lập dự phòng*

³ Số liệu Nợ xấu theo Thông tư 02 là số liệu báo cáo riêng lẻ của Agribank đến 30/6/2018.

- Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng đến 30/6/2018 là 18.790,0 tỷ đồng, tăng 4.511,28 tỷ đồng (31,59%) so với cuối năm 2017. Dự phòng chung còn lại cuối kỳ: 6.618,9 tỷ đồng; dự phòng cụ thể còn lại cuối kỳ là 9.608,9 tỷ đồng.

- Dự phòng trái phiếu đặc do VAMC phát hành: 12.174,1 tỷ đồng.

** Thu hồi nợ xấu*

Việc thu hồi nợ đã xử lý đến 30/6/2018 đạt 18.877,25 tỷ đồng. Trong đó: Khách hàng trả nợ 3.816,96 tỷ đồng, xử lý rủi ro 15.059,67 tỷ đồng, bán, phát mãi tài sản 0,62 tỷ đồng.

4. Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, phải trả:

- Thẩm quyền quyết định đầu tư tại Agribank thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

- Agribank thực hiện trích khấu hao, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Về theo dõi, giám sát và quản lý chặt chẽ công nợ phải thu: Đến 30/6/2018, các khoản nợ phải thu (ngoài nợ phải thu từ hoạt động tín dụng) là 6.032 tỷ đồng, tăng 1.172 tỷ đồng so với đầu năm 2017, chủ yếu tăng các khoản phải thu về hỗ trợ lãi suất. Trong đó:

+ Phải thu về hỗ trợ lãi suất 2.397 tỷ đồng;

+ Chi phí xây dựng công trình 1.337 tỷ đồng.

- Việc trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

- Quản lý công nợ phải trả: Agribank luôn đảm bảo thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn; không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn.

5. Kết quả kinh doanh và tình hình tài chính:

5.1. Tổng thu nhập: đạt 51.111 tỷ đồng, tăng 6.393 tỷ đồng (14,2%) so với cùng kỳ 2017, trong đó:

- Thu từ hoạt động tín dụng: 44.407 tỷ đồng, tăng 5.433 tỷ đồng (+13,9%);

- Thu nhập hoạt động dịch vụ: 2.955 tỷ đồng, tăng 586 tỷ đồng (+24,7%);

- Thu nhập hoạt động khác: 3.077 tỷ đồng, tăng 1.212 tỷ đồng (64,9%).

5.2. Tổng chi phí (không bao gồm chi phí thuế TNDN): đạt 47.957 tỷ đồng, tăng 5.412 tỷ đồng (12,7%) so với cùng kỳ năm 2017, trong đó:

- Chi phí lãi: 25.613 tỷ đồng, tăng 3.674 tỷ đồng (+16,7%);

- Chi phí hoạt động dịch vụ: 1.045 tỷ đồng, tăng 247 tỷ (+31%);

- Chi phí hoạt động khác: 488 tỷ đồng.

- Chi phí dự phòng: 10.712 tỷ đồng.

5.3. Lợi nhuận trước thuế đạt 3.155,6 tỷ đồng, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm 2017.

6. Đánh giá tình hình lưu chuyển tiền tệ:

Việc cân đối dòng tiền tại Agribank luôn được quản lý và giám sát chặt chẽ, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, đáp ứng kịp thời nhu cầu cho các hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính; thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn.

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	30/6/2017	30/6/2018
	Riêng lẻ	Riêng lẻ
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	-13.104,5	-16.355,7
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-84,1	269,9
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1.132,7	23,1
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-12.055,9	-16.062,7
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	51.013,4	42.009,1
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	39.359,9	26.070,7

7. Tình hình thanh khoản:

Theo báo cáo, Agribank đảm bảo tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung dài hạn, tỷ lệ dư nợ cho vay so tổng tiền gửi theo quy định của NHNN. Cụ thể:

STT	Nội dung chỉ tiêu	Quy định	30/6/2018	Đánh giá tuân thủ
1	Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ	Tối thiểu 9%	9,55%	Tuân thủ
2	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (quy VNĐ)	Tối thiểu 10%	16,3%	Tuân thủ
3	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày			Tuân thủ
	- VND	Tối thiểu 50%	80,0%	Tuân thủ
	- Ngoại tệ quy USD	Tối thiểu 10%	111,9%	Tuân thủ
4	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay TDH	Tối đa 45%	31,23%	Tuân thủ
5	Tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tiền gửi	Tối đa 90%	84,88%	Tuân thủ
6	Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu chính phủ so với tổng nợ phải trả bình quân của tháng liền kề trước	Tối đa 30%	14,89%	Tuân thủ

8. Về thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ:

- Agribank luôn chấp hành đầy đủ nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước; thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định tại Luật TCTD số 47/2010/QH12 và Nghị định 57/NĐ-CP về chế độ tài chính của tổ chức tín dụng.

III. Tình hình tuân thủ pháp luật

- Agribank luôn tuân thủ quy định của pháp luật; chấp hành và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, thu nộp ngân sách; quản lý và sử dụng vốn nhà nước; chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán; chế độ báo cáo tài chính và chế độ công khai, công bố thông tin.

- Nghiêm túc tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán, khắc phục, xử lý các vụ việc tồn tại, vi phạm; báo cáo kết quả đạt được trong khắc phục tồn tại, thiếu sót sau thanh tra, kiểm toán theo quy định.

IV. Nhận xét đánh giá chung

Từ những nội dung trình bày nêu trên cho thấy mặc dù hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 báo cáo lãi, quy mô tổng tài sản tăng 4,23%, lợi nhuận sau thuế đạt 2.485,0 tỷ đồng nhưng hoạt động của Agribank cần chú ý một số vấn đề sau:

- *Cân đối giữa huy động và sử dụng vốn còn hạn chế*: Nguồn vốn huy động của Agribank tăng không quá mạnh so với các ngân hàng khác, nhưng do khó khăn trong việc tăng cho vay trên thị trường 1, nên chênh lệch huy động và cho vay trên thị trường 1 liên tục tăng và Agribank là ngân hàng có hệ số Cho vay/huy động vốn thị trường 1 ở mức thấp so với các ngân hàng khác. Việc dư thừa vốn đã dẫn tới tăng đầu tư vào các tài sản có lãi suất thấp (*trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước*) và do đó ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh của Agribank.

- *Nợ xấu tăng mạnh và tiềm ẩn còn rất cao*.

+ Tỷ lệ nợ xấu và giá trị tuyệt đối nợ xấu tăng trong 6 tháng đầu năm 2018: nợ xấu tăng 4.426,7 tỷ đồng tương đương tốc độ tăng 29,3% so với thời điểm cuối năm 2017; tương ứng, tỷ lệ nợ xấu tăng từ 1,57% lên 2,01%.

+ Trường hợp tính đầy đủ một số tài sản xấu của Ngân hàng (*như nợ cơ cấu và giữ nguyên nhóm nợ không bị chuyển sang nợ xấu, số dư trái phiếu đặc biệt VAMC, nợ phải chuyển sang nhóm nợ xấu theo kết luận thanh tra nhưng chưa chuyển, nợ chuyển sang nợ xấu do được thực hiện theo đề án*) vào nợ xấu thì tỷ lệ nợ xấu của Agribank có thể lên đến 5,57%.

V. Kiến nghị và đề xuất

1. Ngân hàng Nhà nước sớm trình Chính phủ xem xét sửa đổi Nghị định 55 với chế tài xử lý chặt chẽ hơn đối với trường hợp khách hàng chây ỳ không trả nợ (kể cả trường hợp khách hàng có TSDB); cho phép được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhiều lần đối với khách hàng vay bị ảnh hưởng bởi rủi ro bất khả kháng; xem xét áp dụng hệ số rủi ro đối với các khoản cho vay không có bảo đảm bằng tài sản theo nghị định 55 là 50% (thay vì hiện nay áp dụng là 100%).

2. Bộ Tài chính sớm trình Chính phủ xem xét, sớm cấp bổ sung vốn điều lệ cho Agribank theo phương án bổ sung vốn điều lệ⁴ đã trình Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước (dự kiến từ nay đến năm 2020 xin cấp 20.200 tỷ đồng từ NSNN).

3. Chuyển số vốn điều lệ được cấp bằng trái phiếu đặc biệt sang cấp bằng tiền, tổng giá trị trái phiếu là 3.590 tỷ đồng, cấp năm 2002-2004, thời hạn 20 năm, lãi suất 3,3%/năm. Trường hợp chưa được chuyển sang cấp bằng tiền, đề nghị chấp thuận nâng lãi suất trái phiếu đặc biệt từ mức 3,3%/năm hiện tại tương đương lãi suất trái phiếu Chính phủ cùng kỳ hạn hàng năm, tạo điều kiện cho Agribank tăng nguồn tài chính bổ sung vốn điều lệ.

4. Cấp bổ sung vốn điều lệ cho Agribank từ nguồn thu nợ tồn đọng nhóm 2 và nợ có tính chất như nợ tồn đọng nhóm 2 đã thu hồi được trong năm 2015, 2016, 2017 theo văn bản số 5599/NHNo-TCKT ngày 18/06/2018 đã trình Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước.

5. Bổ trí nguồn vốn ngân sách cấp đủ số tiền hỗ trợ lãi suất Agribank đã thực hiện hỗ trợ cho khách hàng năm theo các chương trình (Nghị quyết 30a/2018/NQ-CP; Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg; Quyết định 65/2011/QĐ-TTg; Quyết định 68/2013/QĐ-TTg; Nghị định 67/2014/NĐ-CP) là 1.929 tỷ đồng; Bổ sung kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công năm 2018 cho Agribank 300 tỷ đồng (Agribank đã trình Bộ Tài chính tại văn bản số 4900/NHNo-TCKT ngày 25/5/2018; số 1922/NHNo-TCKT ngày 07/3/2018; số 10804/NHNo-TCKT ngày 06/12/2017).

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2018 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

⁴ Phương án số 1499/HĐTV-TCKT ngày 07/9/2017; văn bản số 5871/NHNo-TCKT ngày 25/6/2018; văn bản số 3431/NHNo-TCKT ngày 8/5/2017;

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO
KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
ĐỐI VỚI CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÁC TCTD
VIỆT NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018
(Đính kèm Công văn số .../NHNN-TTGSNH ngày .../.../2018)

I. Sơ lược về tổ chức và hoạt động của VAMC

1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) là Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ được thành lập theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ về việc thành lập tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và Quyết định thành lập số 1459/QĐ-NHNN ngày 27/6/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với vốn điều lệ là 500 tỷ đồng và Quyết định số 835/QĐ-NHNN ngày 20/4/2018 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1459/QĐ-NHNN ngày 27/6/2013 của Thống đốc NHNN về thành lập công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam.

2. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ theo Nghị định 34/2015/NĐ-CP là 2.000 tỷ đồng có hiệu lực từ ngày 05/04/2015 và đến 30/6/2018 vốn điều lệ VAMC là 2.000 tỷ đồng không biến động so với cuối năm 2017.

3. Cơ cấu tổ chức, nhân sự và mạng lưới hoạt động đến thời điểm 30/6/2018

3.1. Hội đồng thành viên:

STT	Tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Tiến Đông	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đoàn Văn Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

3.2. Ban kiểm soát:

STT	Tên	Chức danh
1	Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban

3.3. Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

STT	Tên	Chức danh
1	Ông Đoàn Văn Thắng	Tổng giám đốc
2	Ông Lê Quang Châu	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Lê Văn Hùng	Kế toán Trưởng

Sau 5 năm đi vào hoạt động, VAMC đã đạt được những kết quả nhất định trong đó bao gồm nhiệm vụ góp phần đưa tỷ lệ nợ xấu của toàn hệ thống xuống dưới 3%. Đến 30/6/2018 cơ cấu tổ chức của VAMC về cơ bản đã được hoàn thiện với tổng số cán bộ, công nhân viên VAMC là 146 người.

II. Kết quả hoạt động tài chính đến 30/6/2018

1. Việc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp, hiệu quả sử dụng vốn

Đvt: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	30/6/2018	31/12/2017	(+,-) so với 31/12/2017	
				Số liệu	Tỷ lệ (%)
1	Tài sản	172.215,8	203.988,1	(31.772,3)	(15,57)
2	-Vốn chủ sở hữu, trong đó:	2.065,7	2.058,8	6,9	(0,33)
2.1	+ Vốn góp của chủ sở hữu	2.000,0	2.000,0	-	-
2.2	+ Quỹ đầu tư phát triển	2,9	2,9		
2.3	+ Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0		
3	- Lợi nhuận sau thuế	33,9	20,47	13,43	65,6
4	- Hiệu quả sử dụng vốn :				
	+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH (ROE)	1,7%	-2.5%		
	+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,02%	0,01%		

- Tổng tài sản của VAMC đạt 172.215,8 tỷ đồng, giảm 31.772,3 tỷ đồng (15,57%) so với cuối năm 2017 trong đó nợ mua bằng trái phiếu chưa thu hồi đặc biệt giảm 31.391,8 tỷ đồng (17,13%) chủ yếu do một số tổ chức tín dụng thanh toán trái phiếu đặc biệt như AgriBank,...

* Cơ cấu tài sản của VAMC tại thời điểm 30/6/2018 như sau:

+ Tiền mặt, tiền gửi các TCTD là 20.288,8 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 11,77% tổng tài sản, tăng 2.298,4 tỷ đồng (12,77%) so với năm 2017.

+ Nợ mua bằng trái phiếu đặc biệt đạt 151.098,6 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 87,73% tổng tài sản, giảm 31.585,6 tỷ đồng (17,28%) so với năm 2017

2. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn lưu động

Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) là doanh nghiệp đặc thù, được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, VAMC hoạt động nhằm xử lý nợ xấu, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng hợp lý cho nền kinh tế.

Vì hoạt động đặc thù nên tiêu chí đánh giá tài chính “Huy động vốn và sử dụng vốn lưu động” từ khi đi vào hoạt động cho đến 30/6/2018 VAMC chưa phát sinh việc huy động vốn từ việc phát hành trái phiếu, vay của các tổ chức tín dụng, vay của cá nhân. Đến 30/6/2018 tổng nguồn vốn của VAMC đạt 172.215,8 tỷ đồng, trong đó khoản mục trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành để mua nợ từ các TCTD chiếm tỷ trọng lớn nhất (87,68%). Vốn điều lệ của VAMC so với thời điểm cuối năm 2017 không có biến động.

3. Về tình hình mua nợ xấu và xử lý nợ xấu

3.1 Tình hình mua nợ xấu

- Sáu tháng đầu năm 2018 VAMC chưa phát sinh mua nợ xấu bằng trái phiếu đặc biệt (TPĐB); Lũy kế từ năm 2013 đến 30/6/2018, VAMC đã mua được 310.597 tỷ đồng dư nợ gốc nội bảng với giá mua nợ 279.775 tỷ đồng.

- Mua nợ xấu theo giá trị thị trường (GTTT): 6 tháng đầu năm 2018, VAMC đã mua nợ của 02 khách hàng với 02 khoản nợ với Dư nợ gốc là 332,67 tỷ đồng và giá mua nợ là 382,28 tỷ đồng. Lũy kế đến 30/6/2018, VAMC đã mua được 3.271,3 tỷ đồng dư nợ gốc và với giá mua là 3.523,4 tỷ đồng.

3.2 Tình hình xử lý nợ xấu

Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 thu hồi được 16.995 tỷ đồng (bao gồm thu nợ đã mua theo Trái phiếu đặc biệt và mua theo giá trị thị trường), trong đó thu hồi từ nợ mua theo giá thị trường là 2.779 tỷ đồng. Lũy kế từ năm 2013 đến 30/6/2018, VAMC đã phối hợp với các TCTD thu hồi nợ được 95.349 tỷ đồng (bao gồm thu từ bán nợ/ bán tài sản bảo đảm, bán lại nợ cho TCTD...).

4. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, phải trả

Việc ra quyết định mua sắm tài sản trong kỳ theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ công ty về phân cấp ra quyết định mua sắm, mức đầu tư.

Từ 01/01/2018-30/6/2018 VAMC chưa phát sinh mua sắm tài sản cố định.

Tính từ khi đi vào hoạt động đến 30/6/2018 VAMC không phát sinh huy động vốn để đầu tư vào các dự án hình thành Tài sản cố định và Xây dựng cơ bản dở dang.

5. Tình hình tài chính đến 30/6/2018

- Sáu (6) tháng đầu năm 2018 kết quả hoạt động kinh doanh của VAMC lãi 33.914 triệu đồng, trong đó:

+ Doanh thu từ hoạt động tài chính đạt 16.768 triệu đồng, tăng 4.970,6 triệu đồng, tương ứng 42,13% so với cùng kỳ năm 2016.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp sáu (6) tháng đầu năm 2018 là 24.222,4 triệu đồng (giảm 97,9 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2016), trong đó chi phí cho nhân viên là 8.361,5 triệu đồng (chiếm 65,75% tổng chi phí, giảm 18,9 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2016) và chi phí khác là 3.960,6 triệu đồng (chiếm 31,14% tổng chi phí, tăng 308,6 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2016).

6. Tình hình chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách khác, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính:

6.1 Đánh giá việc quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Cuối năm 2017 VAMC được cấp đủ vốn điều lệ 2.000 tỷ đồng theo Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31/3/2015 của Chính phủ, VAMC đã sử dụng số vốn trên để mua nợ theo giá trị thị trường, tuy vậy một số khoản nợ VAMC mua nợ nhưng được chậm trả cho tổ chức tín dụng và có thời điểm bán nợ thu tiền chưa mua khoản nợ mới tạm thời nhàn rỗi, để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn VAMC gửi có kỳ hạn tại một số tổ chức tín dụng để tăng thu nhập.

6.2 Đánh giá nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (thuế, thu nộp ngân sách)

Theo quy định hiện hành về thuế Giá trị gia tăng thì các hoạt động hiện nay của VAMC thuộc đối tượng không phải chịu thuế GTGT và tại khoản 3 Điều 1, Nghị định 91/2014/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung khoản 9, Điều 4 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP về thuế thu nhập doanh nghiệp thì thu nhập của VAMC thuộc đối tượng “Thu nhập được miễn thuế”.

Thuế thu nhập cá nhân được tính hàng tháng (đối với cá nhân có thu nhập chịu thuế) và được kê khai và nộp ngân sách nhà nước theo quý đầy đủ.

6.3 Đánh giá chế độ báo cáo tài chính

VAMC thực hiện theo quy định về chế độ lập và nộp Báo cáo tài chính theo các quy định của Bộ Tài chính tại Chuẩn mực Kế toán số 21 – Trình bày báo cáo

tài chính và quy định tại Thông tư số 42/2014/TT-NHNN ngày 19/12/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Quy định về Chế độ kế toán của Công ty Quản lý tài sản và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính; thực hiện đầy đủ chế độ chính sách (tiền lương, BHXH, BHYT,...) cho người lao động theo quy định của NHNN.

7. Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích: chưa phát sinh

III- Kiến nghị và đề xuất:

a) Đối với VAMC

- Triển khai làm việc với các TCTD và đối tác, lựa chọn các khoản nợ có tính khả thi trong việc xử lý sau khi mua để có cơ sở đề thực hiện mua khoản nợ theo giá trị thị trường; lựa chọn mua từng khoản nợ xấu hoặc mua theo lô để đẩy mạnh quá trình mua, bán và xử lý nợ xấu qua VAMC.

- Tiến hành rà soát, phân loại, đánh giá thực trạng các khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm, đánh giá khách hàng để xây dựng và áp dụng các biện pháp xử lý nợ phù hợp, phân loại nợ xấu đã mua để áp dụng biện pháp xử lý nợ thích hợp. Thực hiện hoặc hợp tác với các nhà đầu tư khác để đầu tư, hoàn thiện dự án, tài sản nhằm tạo nguồn tiền trả nợ để các bên cùng khai thác thu hồi nợ và vốn đã đầu tư vào dự án, tài sản.

- Đẩy nhanh việc khai thác đấu giá các khoản nợ, tài sản bảo đảm của các khoản nợ đã mua, thuê tổ chức thẩm định các khoản nợ, tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

- Triển khai hợp tác với Công ty trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Việt Nam (DATC), Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại, các quỹ đầu tư trong mua bán nợ, hình thành và phát triển các liên doanh, liên kết trong việc xử lý nợ.

b) Đối với các Bộ, ngành

Để triển khai có hiệu quả Nghị quyết 42/2017/QH14 và hoạt động mua, bán, xử lý nợ xấu, Cơ quan TTGSNN làm đầu mối tham mưu trình Thống đốc có văn bản gửi các Bộ, ngành có liên quan sớm ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về các nội dung sau:

(i) Bộ Tài chính: Hướng dẫn việc thực hiện thu thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân trong trường hợp chuyển nhượng tài sản bảo đảm để thu hồi nợ xấu, bảo đảm thực thi quy định về „thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm”, bảo đảm quyền lợi của bên mua tài sản bảo đảm.

(ii) Bộ Tài nguyên môi trường:

- Bổ sung hướng dẫn đối với quyền nhận thế chấp, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là tài sản bảo đảm cho các khoản nợ mà các tổ chức, cá nhân mua lại từ VAMC theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị quyết 42.

- Bổ sung đối tượng được miễn chữ ký trên đơn đăng ký giao dịch bảo đảm để đảm bảo tính nhất quán trong thực thi quy định về quyền nhận thế chấp, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là tài sản bảo đảm của khoản nợ mua của VAMC theo Nghị quyết 42.

- Hướng dẫn thủ tục chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là dự án bất động sản dở dang.

Trên đây là báo cáo giám sát tài chính của VAMC 6 tháng đầu năm 2018. 

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO
KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
ĐỐI VỚI BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM (BHTGVN)
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Đính kèm công văn số 642/NHNN-TTGSNH ngày 28/8/2018)

I. Sơ lược về tổ chức và hoạt động của BHTGVN

1. Giấy phép thành lập và hoạt động

- Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (BHTGVN) đã được thành lập theo Quyết định số 218/1999/QĐ-TTg ngày 09/11/1999 của Thủ tướng Chính phủ, và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 07/7/2000.

- Ngày 01/4/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 527/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ về tổ chức và hoạt động của BHTGVN ban hành kèm theo Quyết định số 1395/QĐ-TTg ngày 13/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của BHTGVN. Theo đó, “BHTGVN là tổ chức tài chính Nhà nước, hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”.

- Hoạt động chính của BHTGVN là hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, thực hiện chính sách bảo hiểm tiền gửi (BHTG), đảm bảo an toàn vốn và tự bù đắp chi phí, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của các tổ chức tín dụng (TCTD), đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng.

2. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ (vốn đầu tư của chủ sở hữu): 4.995.269.960.000 đồng.

3. Cơ cấu tổ chức, nhân sự và mạng lưới hoạt động đến thời điểm 30/6/2018

3.1. Hội đồng quản trị

STT	Tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Quang Huy	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đào Quốc Tính	Thành viên HĐQT
3	Ông Trần Xuân Châu	Thành viên chuyên trách HĐQT
4	Ông Ngô Văn Hợi	Thành viên chuyên trách HĐQT

5	Ông Ngô Quang Lương	Thành viên chuyên trách HĐQT
---	---------------------	------------------------------

3.2. Ban Kiểm soát

STT	Tên	Chức danh
1	Ông Đỗ Quốc Tinh	Kiểm soát viên phụ trách chung
2	Ông Đinh Doãn Thành	Kiểm soát viên
3	Bà Đỗ Thị Kim Hương	Kiểm soát viên

3.3. Ban điều hành và Kế toán trưởng

STT	Tên	Chức danh
1	Ông Đào Quốc Tính	Tổng giám đốc
2	Ông Nguyễn Đình Lưu	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Phạm Bảo Khánh	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Vũ Văn Long	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Lĩnh Nam	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Mai Việt Trung	Phó Tổng Giám đốc
7	Bà Nguyễn Thị Hồng Mai	Trưởng phòng Tài chính Kế toán

3.4. Mạng lưới hoạt động

- Trụ sở chính: 109 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- 08 chi nhánh:
 - + Chi nhánh BHTGVN khu vực Tây Bắc Bộ
 - + Chi nhánh BHTGVN tại TP Hà nội
 - + Chi nhánh BHTGVN khu vực Đông Bắc Bộ
 - + Chi nhánh BHTGVN khu vực Bắc Trung Bộ
 - + Chi nhánh BHTGVN tại TP Đà Nẵng
 - + Chi nhánh BHTGVN khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên
 - + Chi nhánh BHTGVN tại TPHCM
 - + Chi nhánh BHTGVN khu vực Đồng bằng sông Cửu Long
- 01 Ban triển khai dự án FSMIMS

II. Tình hình tài chính đến 30/6/2018

1. Giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn

a) Về vốn chủ sở hữu

- Theo số liệu Báo cáo tài chính quý II/2018 của BHTGVN, tổng số vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 30/6/2018 là 5.838.719 triệu đồng, tăng 87.293 triệu đồng (1,52%) so với thời điểm ngày 31/12/2017 (5.751.427 triệu đồng).

$$\text{Hệ số bảo toàn vốn (H)} = \frac{\text{VCSH 30/6/2018}}{\text{VCSH 31/12/2017}} = \frac{5.838.719}{5.751.427} = 1,015 > 1$$

Như vậy, đến 30/6/2018, nguồn vốn của BHTGVN được bảo toàn và phát triển.

b) Về tổng tài sản

Tính đến thời điểm ngày 30/6/2018, tổng tài sản của BHTGVN là 45.023.587 triệu đồng, tăng 4.236.250 triệu đồng (tăng 9,41%) so với cuối năm 2017.

c) Về lợi nhuận

- Tổng lợi nhuận của BHTGVN đến hết quý II/2018 là 115.742 triệu đồng, tăng 15.075 triệu đồng (14,97%) so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

1.1. Các khoản thu: Tổng thu nhập lũy kế đến hết quý II/2018 là 260.745 triệu đồng, tăng 53.207 triệu đồng (25,64%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Thu hoạt động BHTG là 259.416 triệu đồng, bao gồm:

+ Thu hoạt động tài chính (trích từ thu nhập hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi): 253.259 triệu đồng. Đây là nguồn thu được trích từ chênh lệch thu, chi hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi trong 6 tháng đầu năm 2018 (1.205.994 triệu đồng), cụ thể: thu từ hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi 1.273.641 triệu đồng, tăng 160.519 triệu đồng (14,42%) so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu thu từ lãi đầu tư trái phiếu (1.272.584 triệu đồng); chi phí hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi là 67.647 triệu đồng, chủ yếu là chi phí hoạt động đầu tư khác (67.166 triệu đồng).

+ Thu hoạt động nghiệp vụ BHTG: 11,7 triệu đồng, trong đó toàn bộ là thu khoản tiền phạt các tổ chức tham gia BHTG vi phạm về xác định số phí BHTG phải nộp và thời hạn nộp phí BHTG.

+ Thu hoạt động khác: 6.145 triệu đồng, trong đó chủ yếu là thu từ hoạt động cho thuê văn phòng 6.143 triệu đồng.

- Doanh thu hoạt động tài chính là 1.324 triệu đồng, toàn bộ từ thu lãi tiền gửi không kỳ hạn.

1.2. Các khoản chi: Tổng chi phí lũy kế đến cuối quý II/2018 là 145.002 triệu đồng, tăng 38.132 triệu đồng (35,68%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Chi hoạt động BHTG là 1.048 triệu đồng, toàn bộ chi cho công tác phổ

biển, giáo dục pháp luật và tuyên truyền chính sách về BHTG.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là 143.827 triệu đồng, chủ yếu là các khoản phải trả cho nhân viên quản lý 58.127 triệu đồng, chi phí khấu hao TSCĐ 33.990 triệu đồng và chi phí dịch vụ mua ngoài 31.677 triệu đồng.

- Chi phí khác 126 triệu đồng chủ yếu là chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

d) Về hiệu quả sử dụng vốn

Theo số liệu BHTGVN báo cáo, đến thời điểm 30/6/2018, hiệu quả sử dụng vốn của BHTGVN như sau:

$$ROE = \frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{115.743}{5.838.719} = 1,98\%$$

$$ROA = \frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản}} = \frac{115.743}{45.023.587} = 0,26\%$$

2. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước

a) Hoạt động đầu tư vốn đối với các dự án đầu tư

Số dư tài sản dở dang của BHTGVN đến 30/6/2018 là 252.100 triệu đồng; trong đó: chủ yếu tập trung tại 03 dự án đang thực hiện đầu tư:

+ Dự án Trụ sở chính BHTGVN: 169.434 triệu đồng.

+ Dự án Trụ sở chi nhánh BHTGVN khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên: 31.309 triệu đồng.

+ Dự án Trụ sở chi nhánh BHTGVN khu vực Tây Bắc Bộ: 41.048 triệu đồng.

b) Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

Tính đến ngày 30/6/2018, tổng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi được đầu tư là 42.530.371 triệu đồng, tăng 4.406.314 triệu đồng (tăng 11,56%) so với 31/12/2017, hầu hết được đầu tư vào trái phiếu chính phủ với giá trị đầu tư là 42.528.769 triệu đồng (chiếm tỷ lệ là 99,9% tổng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi được đầu tư).

c. Tình hình nguồn vốn hoạt động và sử dụng vốn hoạt động

Theo báo cáo của BHTGVN, trong 6 tháng đầu năm 2018, BHTGVN đã thực hiện thu phí BHTG đối với các tổ chức tham gia BHTG với tổng số phí thực thu là 3.252.388 triệu đồng. Nhìn chung các tổ chức tham gia BHTG thực hiện nghiêm túc việc tính và nộp phí theo quy định.

Bên cạnh đó, trong 6 tháng đầu năm 2018, BHTGVN không phát sinh việc chi trả tiền bảo hiểm đối với các tổ chức tham gia BHTG.

d. Giám sát tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả

Theo báo cáo của BHTGVN, tính đến ngày 30/6/2018, BHTGVN chưa phát sinh Nợ phải thu khó đòi và các khoản vay.

3. Giám sát kết quả hoạt động

a. Giám sát việc thực hiện kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm 2018 được Ngân hàng Nhà nước giao.

Theo báo cáo của BHTGVN trong 6 tháng đầu năm 2018, BHTGVN tiếp tục thực hiện Chương trình thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí của NHNNVN, BHTGVN quán triệt thực hành tiết kiệm chi phí, tiết kiệm tối thiểu 5% chi phí, đồng thời đảm bảo yêu cầu hoạt động của hệ thống theo đúng định hướng và hoàn thành tốt kế hoạch công tác đề ra.

Bên cạnh đó, công tác quản lý tài chính của BHTGVN được thực hiện thông qua Kế hoạch tài chính và các chỉ tiêu kế hoạch tài chính đã phê duyệt.

b. Giám sát việc trích lập, sử dụng các quỹ và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

- Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo quy định. Theo số liệu báo cáo của BHTGVN đến ngày 30/6/2018 số dư các quỹ như sau:

- + Quỹ Đầu tư phát triển: 624.000 triệu đồng;
- + Quỹ Khen thưởng phúc lợi: 31.535 triệu đồng;
- + Quỹ thưởng người quản lý: 1.034 triệu đồng;
- + Quỹ Dự phòng nghiệp vụ: 38.961.752 triệu đồng.

- Việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN: các khoản thuế thu nhập cá nhân phát sinh trong năm được BHTGVN kê khai và thực hiện nộp kịp thời theo quy định của Luật Thuế và Luật Quản lý thuế. Tổng số thuế đã nộp trong 6 tháng đầu năm 2018 là 514,4 triệu đồng.

4. Giám sát chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước; ban hành và thực hiện quy chế quản lý tài chính của BHTGVN

a. Giám sát chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại BHTGVN

Trong 6 tháng đầu năm 2018, BHTGVN tuân thủ chấp hành đúng pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước. Công tác quản lý và đầu tư vốn được thực hiện đúng quy định, an toàn, hiệu quả nhằm góp phần phát triển

nguồn vốn, đem lại nguồn thu bổ sung cho quỹ dự phòng nghiệp vụ và nâng cao năng lực tài chính của BHTGVN. Công tác đầu tư vốn được thực hiện theo đúng kế hoạch đầu tư vốn đã được phê duyệt.

b. Giám sát việc ban hành và thực hiện quy chế quản lý tài chính của BHTGVN.

BHTGVN chấp hành chế độ tài chính, kế toán, thống kê, kiểm toán theo đúng quy định. Công tác hạch toán, kế toán trong năm được phản ánh trung thực, kịp thời; báo cáo kế toán và sổ sách kế toán được lập đầy đủ theo quy định hiện hành.

Trong 6 tháng đầu năm 2018, BHTGVN đã triển khai thực hiện tốt quy chế quản lý tài chính đã được ban hành và tiếp tục chủ động nghiên cứu, xây dựng các văn bản nội bộ về quy chế quản lý tài chính tại BHTGVN. Cụ thể:

(1) Quyết định sửa đổi Quy chế quản lý tài chính của BHTGVN, Quyết định sửa đổi Quy định quản lý và sử dụng các quỹ của BHTGVN được dự kiến xây dựng trong năm 2018 sau khi Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 312/2016/TT-BTC quy định về chế độ tài chính đối với BHTGVN.

(2) Quy định mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ và sửa chữa tài sản của BHTGVN.

5. Giám sát thực hiện chế độ tiền lương

Công tác tiền lương, BHXH, BHYT và các chế độ chính sách khác đối với người quản lý và người lao động tại BHTGVN được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động, Nghị định số 51/2016/NĐ-CP, Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho người quản lý và người lao động.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2018 đối với BHTGVN./.